

Số: 50/2019/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO
ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Bà Lê Thúy Cầu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp:
Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 12/2018/QĐST-HC ngày 17 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã căn cứ vào Điều 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật Tổ tụng Hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị T*” giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Hồ Ngọc P, sinh năm 1966; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền ngày 20/3/2018).

- Ông Trần N, sinh năm 1947; địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng (Giấy ủy quyền ngày 31/7/2018).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S: Ông Lữ Xuân A, Phó Chủ tịch UBND huyện S (Quyết định ủy quyền số 888/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện S.

Địa chỉ: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S.

Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Ông Lê Văn G, sinh năm 1945;

3.4. Bà Lê Thị A, sinh năm 1948;

3.5. Bà Lê Thị D, sinh năm 1971;

3.6. Bà Lê Thị H, sinh năm 1973;

3.7. Ông Lê Hữu T, sinh năm 1975;

3.8. Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1978;

3.9. Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1981.

3.10. Anh Trần Ánh P, sinh năm 1996;

3.11. Chị Trần Minh T, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, bà D, bà H, ông T, bà H1, ông T1: Ông Lê Văn G (Giấy ủy quyền ngày 25/5/2018).

Tại đơn kháng cáo ngày 26/9/2018, người khởi kiện là bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 12/2018/QĐST-HC ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, buộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục giải quyết vụ án hành chính do bà khởi kiện với lý do: Do bức xúc trước việc chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khác chồng lên đất của bà nên bà đã khiếu nại đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải quyết nhưng năm 2010 và năm 2012 chính quyền cấp huyện và tỉnh Quảng Ngãi đã bác đơn khiếu nại của bà. Năm 2012, bà đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhưng lại bị trả lại đơn khởi kiện. Sau đó, bà đã nhờ trợ giúp pháp lý khiếu nại lên Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thì được hướng dẫn bà khởi kiện ra Tòa án. Do bức xúc nên bệnh tình của bà tái phát nặng hơn, phải điều trị tại nhiều nơi. Được sự trợ giúp pháp lý, ngày 16/5/2017 bà T tiếp tục làm đơn khởi kiện nhưng sau hơn 1 năm thì bị Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tước quyền khởi kiện, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

XÉT THẤY:

[1] Theo nội dung Đơn khởi kiện; lời trình bày và các chứng cứ, tài liệu do bà Trần Thị T cung cấp trong quá trình tố tụng tại Tòa án thì quá trình khiếu kiện của bà T diễn ra như sau:

Bà T bị nhiễm chất độc màu da cam bẩm sinh, phải điều trị thường xuyên, lâu dài, một chân bị tàn tật. Sau khi cha của bà T có đơn xin đất, năm 1987 Hợp tác xã có giao cho bà T một thửa đất để ở và làm quán tự lập sinh sống. Thửa đất này được kê khai theo Chỉ thị 299/TTg, diện tích 269 m² và đến ngày 31/12/2002 bà T được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất, số thửa 950, diện tích 269 m². Trong thời gian bà T đi chữa bệnh, năm 1989 bà T có cho ông Nguyễn Ngọc T mượn phần chái bếp để làm quán cắt tóc nhưng sau đó ông T không sử dụng; khi bà T trở về nhà thì thấy ông Lê Văn G chiếm quán cắt tóc mà bà T cho ông T mượn. Do ông G nói là phần đất này ông T đã bán cho ông G và ông G đã được cấp GCNQSD đất ngày 11/12/2001 nên ngày 16/4/2010 bà T làm đơn khiếu nại việc UBND huyện S cấp GCNQSD đất cho hộ ông Lê Văn G ngày 11/12/2001 đối với thửa đất số 951, diện tích 166 m², tờ bản đồ số 17 xã T chồng lên đất của bà.

Ngày 18/10/2010, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2057/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà T. Không đồng ý với Quyết định số 2057/QĐ-UBND, bà T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012, bác đơn khiếu nại của bà T.

Ngày 26/11/2012, bà T có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 13/12/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Thông báo số 299/TB-TA về việc trả lại đơn khởi kiện cho bà T. Lý do trả lại đơn khởi kiện là: Căn cứ quy định tại Điều 28 Luật tố tụng hành chính năm 2011 và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tố tụng hành chính năm 2011 thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi không có nội dung thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2057/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện S nên không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Không đồng ý với Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 299/TB-TA, bà T khiếu nại và được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 834/2012/QĐ-HC ngày 26/12/2012, giữ nguyên Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 299/TB-TA.

Đến ngày 16/5/2017, bà Trần Thị T tiếp tục có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà

Trần Thị T.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong khoảng thời gian năm 2012 bà T khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với Quyết định số 1662/QĐ-UBND thì Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 đang có hiệu lực nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xác định yêu cầu khởi kiện của bà T không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng. Tuy nhiên, đến khi Hội đồng Thẩm phán TANDTC ban hành Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2015) “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC”, thì tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP quy định: *“Đối với trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính đúng thời hiệu theo quy định tại Điều 104 của Luật Tổ tụng hành chính nhưng Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện hoặc đình chỉ việc giải quyết vụ án với lý do quyết định giải quyết khiếu nại không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính mà trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, cá nhân, cơ quan, tổ chức tiếp tục có đơn khởi kiện vụ án hành chính thì Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung”*.

Trên cơ sở diễn biến quá trình khiếu kiện của bà T tại mục [1] nêu trên thì thấy: Trong thời gian từ ngày 26/12/2012 đến trước ngày 16/5/2017, bà T không khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án đối với Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện S. Nghĩa là, kể từ ngày Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP nêu trên có hiệu lực pháp luật, **trong thời hạn một năm kể từ ngày 01/3/2015 đến ngày 01/3/2016, bà T không tiếp tục khởi kiện vụ án hành chính** đối với Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện S, **mà đến ngày 16/5/2017 bà T mới khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính.**

[3] Xét lý do bà T cho rằng, trong thời gian sau ngày Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 834/2012/QĐ-HC ngày 26/12/2012, giữ nguyên Thông báo trả lại đơn khởi kiện thì bệnh tật của bà tái phát nên không thực hiện được việc khởi kiện vụ án thì thấy:

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T có giao nộp một số tài liệu để chứng minh về tình trạng sức khỏe và bệnh tật của mình, gồm có: Giấy xác nhận đề ngày 26/02/2017 của ông Võ Văn L là Phó Chủ tịch Đông y huyện S xác định: *“Bệnh nhân Trần Thị T bị cụt một chân trái, thoái hóa cột sống lưng, chuyển thần kinh toại chân phải, có triệu chứng là teo chân phải, phương pháp điều trị lâu dài: châm cứu, xoa bóp, không dùng thuốc, thời gian từ tháng 02/2015 đến tháng 02/2017, cứ mỗi tháng châm cứu 2 lần, mỗi lần 1 tuần”* (BL.30) và Đơn xin xác nhận “về bệnh tật bại liệt những năm qua không đi lại được và xin làm chân giả” của bà Trần Thị T đề ngày **29/6/2017** với nội dung: *“từ năm 2015 đến nay sức khỏe của tôi ngày càng suy yếu, bệnh bại liệt ngày càng tái phát, đi lại rất khó khăn vì chân trái của tôi bị bại liệt từ nhỏ cần phải làm lại nẹp. Còn chân*

phải do tuổi cao bị teo cơ, gai cột sống, bị thần kinh tọa chèn ép yếu dần. Hai chân của tôi rất yếu, bị té ngã thường xuyên và nẹp bị gãy. Trong thời gian từ năm 2015 đến nay tôi thường xuyên chữa trị bằng đông y...” (Đơn được UBND xã T xác nhận - BL.32). Ngoài ra, trong thời gian từ ngày 01/3/2015 đến ngày 16/5/2017, bà T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc bà T có điều trị bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh nào khác.

Mặt khác, trong năm 2015 bà T lại có đơn khiếu nại đến Thanh tra chính phủ (BL.54) và Bộ Tài nguyên và Môi trường (BL.53) để yêu cầu giải quyết. Ngày 03/02/2015, Thanh tra Chính phủ có Công văn số 406/HD-TDTW hướng dẫn bà T gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện S để được giải quyết và ngày 31/12/2015 Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 983/TTr-TDXLĐT trả lời đơn cho bà T có nội dung: Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là quyết định giải quyết lần hai. Căn cứ khoản 7 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011, Bộ Tài nguyên và Môi trường không được thụ lý, giải quyết đối với đơn khiếu nại của bà.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận việc bị bệnh và điều trị bệnh của bà Trần Thị T không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; các khoản 13, 14 Điều 3 và khoản 4 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên họp: Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, năm 2012 bà T đã khởi kiện vụ án hành chính nhưng Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện là đúng pháp luật tại thời điểm đó. Năm 2015, bà T tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường mà không tiếp tục khởi kiện trong thời hạn 1 năm theo quy định của Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP. Do đó, ngày 16/5/2017 bà Trần Thị T khởi kiện vụ án hành chính là đã quá thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP và điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Lẽ ra, khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm cần giải thích cho bà T khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án buộc người mà bà T cho là đã chiếm đất của bà phải trả lại diện tích đất đã chiếm và yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho người đó theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 9 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, nhưng lại tiến hành thụ lý vụ án hành chính và kéo dài đến hơn 1 năm sau mới ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính (trong khi bà T là người tàn tật, sức khỏe yếu phải điều trị bệnh dài ngày, khả năng tiếp cận với các quy định mới của pháp luật bị hạn chế) là vi phạm Điều 130 của Luật Tổ tụng hành chính. Tuy nhiên xét thấy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là có căn cứ theo quy định của pháp luật; bà T kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, giữ nguyên quyết định sơ thẩm nhưng yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm về vi phạm nêu trên.

[5] Trên cơ sở các phân tích nêu trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên họp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 16/5/2017 bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của Chủ tịch UBND huyện S là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 07/2017/TLST-HC ngày 07/11/2017 là đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 và khoản 2 Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên họp là có căn cứ; bà Trần Thị T kháng cáo quyết định sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị T.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật Tổ tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 12/2018/QĐST-HC ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị T.

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HOẠP**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền